TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2022/HNGĐ - ST
Ngày : 17/3/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Kim Liên**
Các Hội thẩm nhân dân: **1.Bà Trần Thị Tuyết**
2.Ông Lâm Văn Vô

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Thu Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Trần Mai Hảo**- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sở thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông TPL- Sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 465/26 H H, Phường A, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền L hợp pháp của nguyên đơn ông TPL: Ông PTL- Luật sư- Văn phòng luật sư TTHVvà cộng sự.(có mặt)

Địa chỉ: 169/5 T Đ, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà CML- Sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: 716 NT, Phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021 và quá T giải quyết vụ án, nguyên đơn ông TPL T bày:

Ông và bà L tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân phường BT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp 05/01/1996. Ông, bà có có hai con chung tên TTL(sinh ngày 03/11/2000, giới tính: nam, hiện đã trưởng thành) và TTT(sinh ngày 21/4/2007, giới tính: nam).

Quá T chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bà L có hành động kiểm soát thời gian, không tin tưởng ông, ghen tuông vô cớ, trong khi ông làm ăn kinh doanh phải tiếp xúc giao dịch với nhiều người. Ngăn cản con cái tiếp xúc với ông, ngăn cản gia đình của ông khi họ đến chơi, khiến ông cảm thấy ức chế. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nhưng do con còn nhỏ nên ông cố gắng bỏ qua, mâu

thuẫn kéo dài 6,7 năm nay. Ông đã nhiều lần hòa giải trong gia đình nhưng không thể hàn gắn. Tình cảm vợ chồng với bà L không còn, không còn phù hợp về cách sống và quan điểm sống nên từ năm 2017 đã ly thân với bà L. Hiện ông L xác định không còn tình cảm với bà L, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

Về con chung: con chung là TTL(sinh ngày 03/11/2000, giới tính: nam) đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu được nuôi trẻ T, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà L yêu cầu nuôi trẻ T thì ông L chấp nhận và tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ T là 10.000.00đ/ tháng.

Về tài sản chung: Trong quá T sống chung ông TPL và bà CML có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: ông TPL và bà CML cùng khai hai bên không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà CML T bày: bà L thống nhất với T bày của ông L về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, về thực hiện nghĩa vụ dân sự chung.

Bà không thống nhất với T bày của ông L về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân. Hơn hai mươi năm bà vun vén cho gia đình, tình cảm trước sau như một, không làm điều gì không phải, bà không kiểm soát về thời gian mà chỉ muốn biết ông đi đâu làm gì, không ngăn cản con cái giao tiếp với ông L mà do ông L không giao tiếp với con. Còn đối với cách cư xử với gia đình chồng chỉ từ khi mẹ chồng mất, do có lý do nên bà không thể vui vẻ với gia đình chồng theo đúng ý của ông L được. Bà không đồng ý ly hôn. Trường hợp ông L vẫn cương quyết giữ yêu cầu ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi trẻ TTTvà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà L xác nhận đã ly thân với ông L.

Về tài sản chung: Trong quá T sống chung bà và ông TPL có tạo lập được tài sản chung, do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: bà và ông L không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông TPL giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà CML.

Về con chung: con chung là TTL(sinh ngày 03/11/2000, giới tính: nam) đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L đồng ý giao con chung trẻ Trần Tấn T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ T số tiền là 10.000.000đ/ tháng. Giao nhận tiền vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2022.

Về tài sản chung: ông L và bà L có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền L và L ích hợp pháp của ông L, ông PTL-Luật sư T bày: Thống nhất với T bày của ông L, quan hệ hôn nhân của ông L và bà L không hạnh phúc,thường xảy ra mâu thuẫn hàng ngày do bà L không tin tưởng ông L, ghen tuông

vô cớ, mâu thuẫn về quan điểm, cách sống, cách giáo dục con, đã ly thân từ năm 2017. Nếu sống chung chỉ mâu thuẫn không còn yêu thương, chăm sóc chia sẻ trong gia đình đã kéo dài nhiều năm. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L được ly hôn với bà L. Ghi nhận việc ông L đồng ý giao trẻ T cho bà L nuôi dưỡng và cấp dưỡng 10.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Quá T chung sống có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bà CML T bày: bà không đồng ý ly hôn với ông L, bà cho rằng những mâu thuẫn mà ông L T bày chỉ là những mâu thuẫn hàng ngày, không có vấn đề gì. Ông L muốn đi đâu làm gì là quyền của ông L. Ông L không chia sẻ với bà thì bà cũng không quan tâm, hỏi han. Về vấn đề cư xử với gia đình chồng thì bà có những lý do riêng. Bà và ông L cũng đã ly thân mấy năm nay.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L thì bà yêu cầu được nuôi trẻ TTTvà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu quan điểm:

Trong quá T giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá T giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: căn cứ vào lời T bày của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mâu thuẫn giữa ông L và bà L đã kéo dài nhiều năm, đã sống ly thân. Bà L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L. Ghi nhận ông L đồng ý giao con chung là trẻ TTTcho bà L nuôi dưỡng và ông L cấp dưỡng nuôi con 10.000.000đ/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn ông TPL khởi kiện bị đơn bà CML, yêu cầu được ly hôn bà CML. Bà L có địa chỉ cư trú tại Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông TPL và bà CML tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do Ủy ban nhân dân phường BT, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp 05/01/1996 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn T bày, quá T chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài

trong nhiều năm, đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mâu thuẫn kéo dài 6,7 năm nay, tình cảm vợ chồng với bà L không còn, không còn phù hợp về cách sống và quan điểm sống nên từ năm 2017 đã ly thân với bà L, ông L xác định không còn tình cảm với bà L.

Bà L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, Tòa án đã cho thời thời gian để hai bên hàn gắn hạnh phúc gia đình kể từ khi thụ lý.

Xét ông L xác định tình cảm vợ chồng với bà L không còn, cả hai ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L xin ly hôn bà L. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L, ông L được ly hôn bà L.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp đề nghị của người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông L được ly hôn bà L.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Trần Tuấn Lâm, sinh ngày 03/11/2000, giới tính: nam, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Đối với trẻ TTT(sinh ngày 21/4/2007, giới tính: nam) ông L đồng ý giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T và ông cấp dưỡng nuôi trẻ T số tiền là 10.000.000đ/ tháng. Giao nhận tiền vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2022.

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ông L đồng ý giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ TTT(sinh ngày 21/4/2007, giới tính: nam), phù hợp với yêu cầu của bà L và nguyện vọng của trẻ T muốn sống cùng với bà L theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000đ/ tháng. Giao nhận tiền vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2022.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá T sống chung ông L và bà L có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ dân sự chung: ông L và bà L cùng khai hai bên không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận X, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: ông L chịu án phí giải quyết vụ án hôn nhân và án phí cấp dưỡng ông L phải chịu 50%.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa ông TPL và bà CML.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông TPL được ly hôn bà CML.

1.2. Về con chung: Con chung tên Trần Tuấn Lâm, sinh ngày 03/11/2000, giới tính: nam, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án không giải quyết.

Ghi nhận ông TPL đồng ý để bà CML được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung trẻ TTT(sinh ngày 21/4/2007, giới tính: nam).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông TPL cấp dưỡng nuôi con chung trẻ TTTlà 10.000.000đ/ tháng(mười triệu đồng). Giao nhận tiền vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2022 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Nếu ngày giao nhận trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo sau đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, nếu ông L không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân Sự 2015.

Sau khi ly hôn, ông TPL có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom chăm sóc con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì L ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc xác định mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3 Về tài sản chung: ông L và bà L có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4 Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông L và bà L cùng khai không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không đặt ra giải quyết.

2.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông TPL chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông L đã tạm nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số

AA/2018/0036430 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông L phải chịu 150.000đ(một trăm năm mươi ngàn đồng)

3. Về quyền kháng cáo: Ông TPL, bà CML có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận X;
- Chi cục THA DS Quận X;
-UBND phường BT, Quận G (GCNKH số 05 ngày 05/01/1996)
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên